

Cấu trúc bị động trong tiếng Anh và tiếng Việt từ góc nhìn của Ngữ pháp tạo sinh: Một khảo sát so sánh

Tạ Lê Minh Phước*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Bài viết hướng đến giới thiệu Ngữ pháp tạo sinh (Generative Grammar) - một cách tiếp cận trong phân tích cú pháp học được khai sinh và phát triển bởi nhà ngôn ngữ học người Mỹ Noam Chomsky. Về đối tượng nghiên cứu, bài viết đã lựa chọn cấu trúc bị động để phân tích vì nó là một cấu trúc phổ biến trong các ngôn ngữ tự nhiên. Cụ thể, bài viết sẽ so sánh cấu trúc bị động trong hai ngôn ngữ: tiếng Anh và tiếng Việt. Về cơ sở lý thuyết, bài viết sẽ đi từ một giả định (assumption) trong Ngữ pháp tạo sinh là dù mỗi ngôn ngữ có những đặc trưng riêng nhưng cơ chế học ngôn ngữ mà Chomsky gọi là ngữ năng (competence) phải mang tính chất đồng dạng trong mọi ngôn ngữ và chịu sự chi phối của những quy luật phổ quát. Bên cạnh đó, bài viết còn vận dụng những lý thuyết của Ngữ pháp tạo sinh, đặc biệt là các thao tác như Chuyển dịch vị trí Tham tố (A-movement), Nguyên tắc chiếu xạ mở rộng (Extended Projection Principle-EPP) và hệ thống tham biến (parameters). Phân tích cho thấy cấu trúc bị động (cấu trúc bề mặt) trong tiếng Việt có thể được lý giải như sự cải biến từ cấu trúc chủ động (cấu trúc sâu) tương tự như trong tiếng Anh. Nhưng tiếng Việt và tiếng Anh cũng có sự khác biệt vì sự thiết lập tham biến khác nhau giữa hai ngôn ngữ. Những phân tích này sẽ góp phần mở rộng khả năng áp dụng lý thuyết Ngữ pháp tạo sinh vào tiếng Việt - một ngôn ngữ không biến hình.

Từ khoá: ngữ năng, cấu trúc bị động, Ngữ pháp tạo sinh, sự cải biến, tham biến

DẪN NHẬP

Ngữ pháp tạo sinh (Generative Grammar) là một hệ thống lý thuyết gắn liền với tên tuổi nhà ngôn ngữ học người Mỹ Noam Chomsky¹. Ra đời từ cuối những năm 1950, Ngữ pháp tạo sinh đã tạo nên một cuộc cách mạng trong phân tích ngôn ngữ, đặc biệt là Cú pháp học, nhưng cũng nhận về làn sóng phản biện, phê bình gay gắt từ giới học thuật².

Đối tượng nghiên cứu của Ngữ pháp tạo sinh là ngữ năng (competence) chứ không phải ngữ thi (performance). Theo Chomsky, đây là một năng lực bẩm sinh đã được mã hóa trong chính bộ gen của con người. Chính vì vậy, một đứa trẻ trong những năm đầu đời sẽ thụ đắc ngôn ngữ mẹ đẻ của mình một cách dễ dàng (với điều kiện là được “tắm mình” trong môi trường sử dụng ngôn ngữ đó). Điều đáng lưu ý hơn là vì sao một đứa bé tầm 5 tuổi dù không tiếp xúc với tất cả phát ngôn của ngôn ngữ mẹ đẻ vẫn có thể sử dụng ngôn ngữ đó một cách thành thạo? Chomsky lý giải việc tiếp xúc với toàn bộ phát ngôn trong một ngôn ngữ là không thể và phi thực tế; dù điều đó có khả thi, não bộ con người cũng không thể xử lý và lưu trữ hết những ngữ liệu đó. Một cách giải thích hợp lý hơn rằng ngữ năng là một hệ thống các quy tắc chung giúp con người thụ đắc được một ngôn ngữ. Các quy tắc

này phải là hữu hạn vì nếu là vô hạn, một đứa trẻ sẽ không thể thụ đắc được ngôn ngữ nào cả. Nói tóm lại, ngôn ngữ học theo trường phái tạo sinh không chỉ đi vào nghiên cứu các ngôn ngữ riêng lẻ mà từ việc mô tả các ngôn ngữ riêng lẻ, ta có thể tìm ra các quy luật phổ quát áp dụng cho tất cả ngôn ngữ. Chomsky gọi các quy luật chung này là Ngữ pháp phổ quát (Universal Grammar). Những quy luật chung hữu hạn này sẽ “tạo sinh” ra vô hạn những phát ngôn trong một ngôn ngữ, chính vì thế Chomsky mới gọi chúng là Ngữ pháp tạo sinh.

Tuy cùng một cơ chế thụ đắc ngôn ngữ nhưng các ngôn ngữ vẫn sự có sự đa dạng về mặt cú pháp. Để giải thích cho điều này, theo Héctor Campos và Bùi Huỳnh Thủy Thương, bộ máy thụ đắc ngôn ngữ của con người là một hệ thống những tham biến (parameters) nhất định³. Mỗi tham biến sẽ có những thiết lập (settings) khác nhau tùy thuộc vào từng ngôn ngữ theo cơ chế nhị phân (binary).

Ví dụ: Tham biến về pro-drop (lược bỏ chủ ngữ mà không ảnh hưởng đến cấu trúc ngữ pháp) cho phép hai khả năng:

+ Khả năng 1: Được phép lược bỏ chủ ngữ.

+ Khả năng 2: Không được phép lược bỏ chủ ngữ.

Tiếng Tây Ban Nha lựa chọn khả năng 1:

(Yo) como una manzana.

Tôi ăn một quả táo.

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Tạ Lê Minh Phước, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: phuocata@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 19-03-2025
- Ngày sửa đổi: 10-11-2025
- Ngày chấp nhận: 14-04-2026
- Ngày đăng: x

DOI: x



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Phước T L M. Cấu trúc bị động trong tiếng Anh và tiếng Việt từ góc nhìn của Ngữ pháp tạo sinh: Một khảo sát so sánh. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2026; x(x):x-x.

Chủ ngữ “Yo” có mặt trong câu hay không, đều không ảnh hưởng đến cấu trúc ngữ pháp.

Tiếng Anh lựa chọn khả năng 2:

I eat an apple.

Tôi ăn một quả táo.

* ____ eat an apple.

ăn một quả táo.

Trong tiếng Anh, việc lược bỏ chủ ngữ sẽ dẫn đến câu bị sai về mặt ngữ pháp.

Như vậy, ta thấy rằng cùng một tham biến nhưng tiếng Tây Ban Nha và tiếng Anh có sự thiết lập tham biến khác nhau, điều này tạo ra sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ.

Trong cơ sở lý thuyết của Ngữ pháp tạo sinh, Chomsky còn phân biệt hai cấp độ miêu tả cấu trúc câu: cấu trúc sâu (Deep Structure/ D-Structure) và cấu trúc bề mặt (Surface Structure/ S-Structure). Cấu trúc sâu là dạng thức trừu tượng của cấu trúc câu, là phần lõi ngữ nghĩa của nó. Còn cấu trúc bề mặt là lớp vỏ âm thanh bên ngoài của một câu, nó được cấu thành từ các âm vị, âm tiết, từ ngữ mà chúng ta nghe được từ một phát ngôn.

Ví dụ:

(1) A boy kicked a ball.

Một cậu bé đã đá một quả bóng.

(2) A ball was kicked by a boy.

Một quả bóng đã bị đá bởi một cậu bé.

Câu (1) và câu (2) có cấu trúc bề mặt hoàn toàn khác nhau nhưng cấu trúc sâu của chúng giống nhau vì cùng thể hiện sự việc là “Một cậu bé đã đá một quả bóng”.

Chomsky còn phân biệt giữa câu lõi và câu phái sinh: câu lõi là những câu không thể thu được bằng cách biến đổi và/hoặc tổ hợp với các câu bất kỳ nào khác; còn câu phái sinh là những câu được cải biến từ câu lõi¹. Nhìn lại ví dụ trên, câu (1) là câu lõi còn câu (2) là câu phái sinh được cải biến từ câu (1). Sự cải biến từ câu chủ động (câu lõi) sang câu bị động (câu cải biến) sẽ được giải thích rõ hơn trong các phần sau của bài viết. Vì các quy tắc cải biến này nên tên gọi tiền thân của Ngữ pháp tạo sinh trong thời gian đầu phát triển là Ngữ pháp cải biến (Transformational Grammar).

Nói đến những nhận định về Ngữ pháp tạo sinh trong giới học thuật ở Việt Nam, theo Nguyễn Văn Hiệp, Ngữ pháp tạo sinh là một “lý thuyết rất nặng về thao tác và kỹ thuật” [4, tr.49], và “mang màu sắc toán học”. Tuy nhiên, Nguyễn Thiện Giáp lại cho rằng đây là một lý thuyết mở đường cho Ngôn ngữ học đi từ hướng miêu tả ngôn ngữ sang hướng giải thích quy luật ngôn ngữ². Từ quan điểm cá nhân, tác giả tin rằng Ngữ pháp tạo sinh mang đến góc nhìn rất mới và thú vị về

nguyên cứu Cú pháp học. Điều này sẽ được giới thiệu trong bài viết. Cụ thể, bài viết hướng đến phân tích và so sánh cấu trúc bị động trong tiếng Việt và tiếng Anh từ khung lý thuyết của Ngữ pháp tạo sinh. Đồng thời, bài viết cũng gợi mở hướng nghiên cứu vận dụng Cú pháp học trong phân tích cú pháp tiếng Việt.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Cấu trúc Tham tố^a (Argument Structure)

Cấu trúc Tham tố là một lý thuyết giao thoa (interface) giữa Cú pháp học và Ngữ nghĩa học. Theo Radford, lý thuyết này cho rằng: một phán đoán (proposition) được cấu thành từ hai thành phần: một là Vị từ (Predicate) và hai là tập hợp các Tham tố (A set of arguments)⁶. Nói cách khác, Vị từ là một diễn đạt về một hành động hay sự kiện, còn Tham tố được hiểu là tham thể của hành động hay sự kiện đó. Mỗi Vị từ sẽ có số lượng Tham tố khác nhau.

Quay lại hai câu ví dụ ở trên:

(1) A boy kicked a ball.

Một cậu bé đã đá một quả bóng.

(2) A ball was kicked by a boy.

Một quả bóng đã bị đá bởi một cậu bé.

Câu (1) và câu (2) có cùng Cấu trúc Tham tố, trong đó:

+ Vị từ: “kicked”.

+ Tập hợp các Tham tố: Tác thể (Agent): “a boy”, Bị thể (Patient): “a ball”.

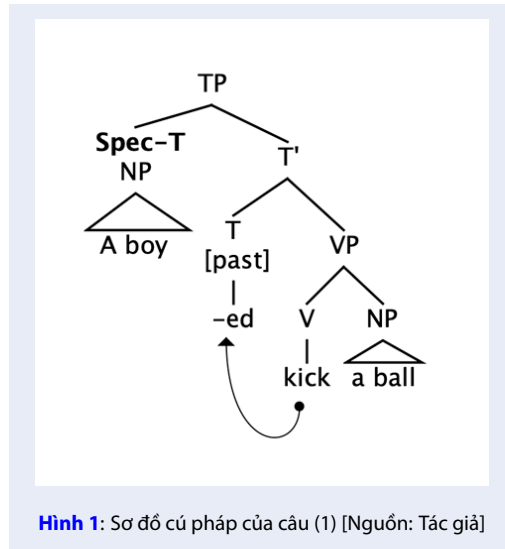
Chomsky đã đưa ra một **Quy chuẩn về vai nghĩa (Theta-role Criterion)**: Mỗi Tham tố chỉ mang một và chỉ một vai nghĩa, và mỗi một vai nghĩa chỉ có thể được phân cho một và chỉ một Tham tố¹. Như vậy, Tham tố “a boy” chỉ có thể có một vai nghĩa là “Tác thể” và Tham tố “a ball” chỉ có thể có một vai nghĩa là “Bị thể”.

Giả thuyết Chủ ngữ nội sinh trong cụm động từ (VP-Internal Subject Hypothesis)

Theo cách tiếp cận truyền thống, Ngữ pháp tạo sinh xem vị trí mặc định của Chủ ngữ trên sơ đồ cú pháp (syntax tree) là Phần chỉ định (Specifier) của cụm mang Thì (TP-Tense Phrase), ta sẽ gọi tắt là Spec-T⁶. TP sẽ có ba cấp độ: cấp độ tối đa TP, cấp độ trung gian T' và cấp độ tận cùng T. Spec-T sẽ nằm ngang hàng với cấp độ trung gian T'. Lấy ví dụ câu (1): “A boy kicked a ball” ta có sơ đồ cú pháp Hình 1 như sau:

Trên sơ đồ cú pháp trên, ta có thể quan sát được Chủ ngữ “A boy” sẽ nằm ở vị trí spec-T tức ngang hàng với cấp độ trung gian T'. Ở đây, có một sự cải biến là động từ “kick” sẽ chuyển dịch vị trí lên T nơi mà nó sẽ nhận được Thì của mình và bật ra động từ được chia

^a Theo cách dịch của Lâm Quang Đông⁵.



Hình 1: Sơ đồ cú pháp của câu (1) [Nguồn: Tác giả]

là “kicked”, ta gọi sự chuyển dịch (movement)^b này là chuyển dịch từ V lên T (V to T movement).

Tuy nhiên, Radford⁵ chỉ ra rằng trong một phương ngữ tiếng Anh ở vùng Belfast (Bắc Ireland) cho phép một dạng cấu trúc như sau:

(3) There did a boy kick a ball.

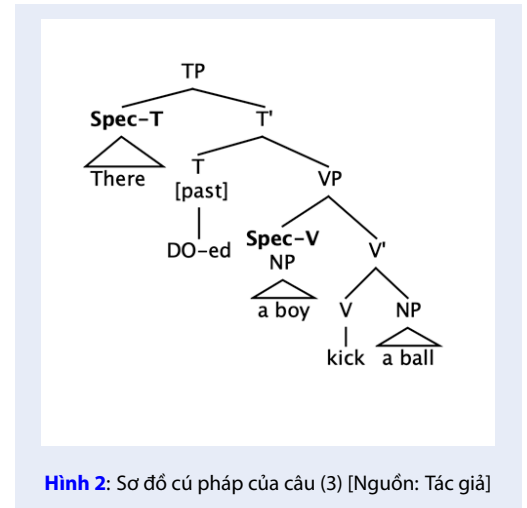
Đã có một cậu bé đá một quả bóng.

Ví dụ (3) là một dạng cấu trúc thể hiện sự tồn tại (existential sentence) của một sự việc trong quá khứ. Câu hỏi cần đặt ra ở đây là: vị trí Chủ ngữ (spec-T) giờ đã bị chiếm giữ bởi chủ ngữ giả (dummy subject) “there”, vậy “a boy” sẽ ở vị trí nào? Nhìn vào Hình 2, ta có thể tìm thấy câu trả lời rằng chủ ngữ thật “a boy” sẽ được nội sinh ở trong chính cụm động từ VP và nằm ở vị trí Phần chỉ định (Specifier) của cụm động từ VP, ta gọi tắt là Spec-V. VP bây giờ cũng sẽ có 3 cấp độ: cấp độ tối đa VP, cấp độ trung gian V’ và cấp độ tận cùng là V. Spec-V sẽ nằm ngang hàng với cấp độ trung gian V’. Ta sẽ thể hiện câu (3) trên sơ đồ sau với sự thêm vào (insertion)^c của “there” và “do”:

Để hiểu được sơ đồ trên, ta cần đề cập đến Nguyên tắc chiếu xạ mở rộng (Extended Projection Principle-EPP) đề xuất bởi Chomsky: Vị trí Spec-T bắt buộc phải có một chủ ngữ hiện hữu. Nói cách khác, trong tiếng Anh, về mặt cú pháp, vị trí chủ ngữ của câu không thể bỏ trống nếu không thì cấu trúc câu sẽ bị “sụp đổ” (crash) và sai ngữ pháp. Trong câu (3), vì “a boy” không dịch chuyển vị trí từ Spec-V lên Spec-T nên ta bắt buộc phải có sự chèn vào của chủ ngữ giả “there” để thỏa mãn EPP nếu không cấu trúc sẽ bị

^bTrên sơ đồ cú pháp, bài viết sẽ sử dụng biểu tượng dấu mũi tên để thể hiện sự chuyển dịch (movement).

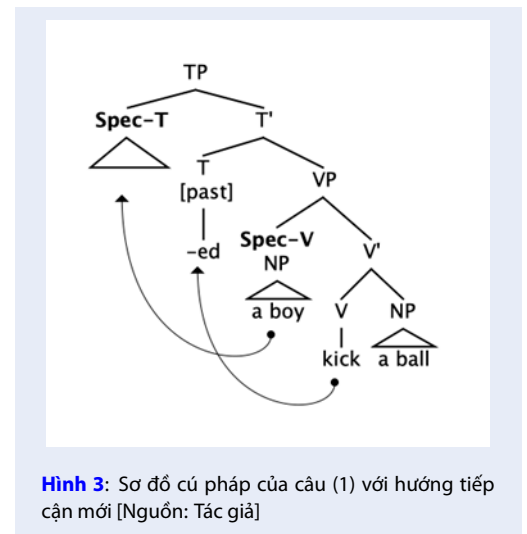
^cTrên sơ đồ cú pháp, bài viết sẽ sử dụng biểu tượng Ý để biểu thị sự chèn vào (insertion).



Hình 2: Sơ đồ cú pháp của câu (3) [Nguồn: Tác giả]

sai ngữ pháp. Việc thêm “there” cũng là một phép cải biến. Tương tự, do động từ “kick” không di chuyển lên vị trí T nên ta bắt buộc phải thêm vào trợ động từ DO để kết hợp với hình vị ràng buộc chỉ quá khứ “-ed” vì “-ed” không thể tồn tại một mình được, nên “DID” đã xuất hiện.

Như vậy, ví dụ (3) là một bằng chứng chỉ ra rằng chủ ngữ thật của một hành động được nội sinh trong chính cụm động từ. Điều này xác thực Giả thuyết Chủ ngữ nội sinh trong cụm động từ (VP-Internal Subject Hypothesis). Ta sẽ xem xét lại cách phân tích câu (1): “A boy kicked a ball” với cách tiếp cận mới:



Hình 3: Sơ đồ cú pháp của câu (1) với hướng tiếp cận mới [Nguồn: Tác giả]

Nhìn vào Hình 3, ta thấy bên cạnh sự chuyển dịch vị trí của V lên T, “a boy” cũng có sự chuyển dịch vị trí từ Spec-V lên Spec-T để thỏa mãn EPP vì một câu không thể bỏ trống vị trí chủ ngữ. Sự chuyển dịch vị trí này trong Ngữ pháp tạo sinh gọi là “Argument

movement” hay “Chuyển dịch vị trí Tham tố” (gọi tắt là A-movement). Vì sao gọi tên là A-movement? Vì “a boy” là một Tham tố của Vị từ “kicked”, cụ thể là “Tác thể”. Nếu chỉ nhìn vào cấu trúc của VP, ta sẽ nhìn rõ được hai Tham tố: Tác thể “a boy” nằm ở vị trí Spec-V và Bị thể “a ball” nằm ở vị trí ngang hàng với V. Chính bởi vị trí đó, theo Radford, Tác thể còn được gọi là Tham tố ngoại hướng (External Argument) do nằm ở một tầng cao hơn V, còn Bị thể còn được gọi là Tham tố nội hướng (Internal Argument) do nằm cùng tầng với V⁶

PHÂN TÍCH CÚ PHÁP

Cấu trúc bị động trong tiếng Anh

Ta cùng xét lại hai ví dụ:

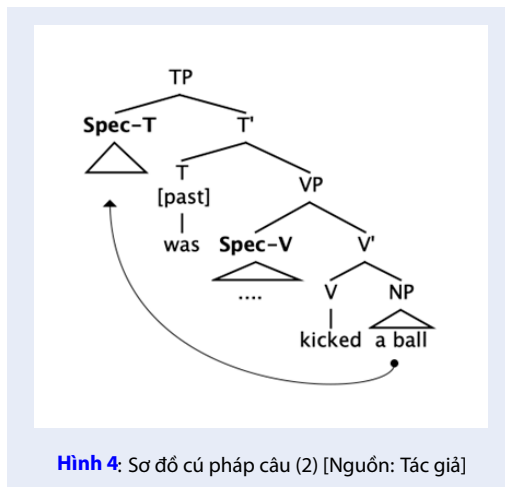
(1) A boy kicked a ball.

Một cậu bé đã đá một quả bóng.

(2) A ball was kicked (by a boy).

Một quả bóng đã bị đá (bởi một cậu bé).

Để đơn giản hóa phân tích, ta sẽ bỏ đi Phụ ngữ (modifier) “by a boy” trong câu (2), giờ chỉ còn lại câu “A ball was kicked”. Sơ đồ cú pháp sẽ được biểu diễn như sau:



Hình 4: Sơ đồ cú pháp câu (2) [Nguồn: Tác giả]

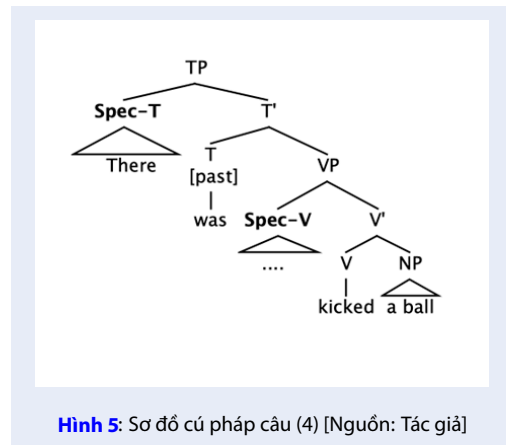
Diễn giải Hình 4, trong cấu trúc bị động, vị trí Spec-V sẽ bị trống, nghĩa là Tác thể đã bị “ẩn đi” hay được hiểu từ ngữ cảnh. Chính vì vậy, để thỏa mãn EPP, không còn cách nào khác ta phải chuyển dịch vị trí của Bị thể “a ball” lên vị trí Spec-T để lấp vào vị trí của chủ ngữ vốn không thể để trống. Đây cũng là một A-movement. Ta thấy giờ đây tại vị trí T là Trợ động từ bị động (Passive Auxiliary) “be” được chia ở thì quá khứ và số ít (do Chủ ngữ quyết định) tức là “was”. Tóm lại, cấu trúc bị động trong tiếng Anh là sự cải biến từ cấu trúc chủ động.

Thứ vị là, trong Tiếng Anh cũng cho phép cấu trúc sau:

(4) There was kicked a ball (by a boy).

Có một bị đá một quả bóng (bởi một cậu bé).

Ta có thể minh họa câu (4) bằng sơ đồ cú pháp sau:



Hình 5: Sơ đồ cú pháp câu (4) [Nguồn: Tác giả]

Nhìn vào Hình 5, ta càng có căn cứ khẳng định vị trí ban đầu của “a ball” là nằm ở vị trí tân ngữ của động từ “kick”. Nhưng khác với câu (2), trong câu (4), “a ball” không bị chuyển dịch vị trí. Nhưng để thỏa mãn EPP, ta bắt buộc phải thêm vào chủ ngữ giả “there” để đảm bảo câu có chủ ngữ ở vị trí Spec-T. Tổng kết lại, ta có thể thấy rằng cấu trúc bị động trong tiếng Anh có thể được giải thích một cách logic bằng các phép cải biến (cụ thể là A-movement và sự thêm vào chủ ngữ giả “there”) cũng như là Nguyên tắc chiếu xạ mở rộng (EPP) trong khuôn khổ Ngữ pháp tạo sinh.

Cấu trúc bị động trong tiếng Việt

Bài viết không đồng nhất cấu trúc bị động trong hai ngôn ngữ vì tiếng Anh và tiếng Việt có những đặc điểm cú pháp riêng. Tuy nhiên, về mặt ngữ nghĩa, cả hai đều biểu hiện ý nghĩa “chịu sự tác động từ một tham thể khác”. Chính vì vậy, việc so sánh hai dạng cấu trúc này có thể sẽ cho thấy sự tương đồng và khác biệt về mặt cú pháp giữa hai thứ tiếng.

Về cấu trúc bị động trong tiếng Việt, theo^{7 9}, tiếng Việt không có Dạng bị động (Passive Voice) như trong tiếng Anh vì động từ không có sự thay đổi hình thái, nhưng các tác giả này đều chấp nhận có sự tồn tại của cấu trúc bị động trong tiếng Việt. Cấu trúc bị động này không dựa vào hình thái động từ mà dựa vào ngữ nghĩa “chịu sự tác động từ một tham thể khác”. Và đây cũng là cách tiếp cận của bài viết.

Bàn sâu hơn, Benjamin Bruening và Thuan Tran⁸, Lâm Minh Hoa⁹ cho rằng trong tiếng Việt, các hư từ “bị” và “được” trong cấu trúc bị động thực chất là thể hiện ý nghĩa tình thái, cụ thể “bị” mang ý nghĩa “chịu đựng” (suffering) còn “được” mang ý nghĩa “hưởng

lợi” (benefit). Trong khuôn khổ bài viết, tác giả chỉ khảo sát những cấu trúc bị động chứa hư từ “bị”.

Thêm vào đó, ta cũng không nên xem tất cả những câu có hư từ “bị” trong tiếng Việt đều là cấu trúc bị động. Theo ^{8,9}, tiếng Việt cho phép những câu có chứa hư từ “bị” không mang ý nghĩa bị động.

Ví dụ:

- Hấn **BỊ** mù.
- Tôi **BỊ** xem bộ phim dở tệ ấy.
- Lúc ăn cơm, tôi hay **BỊ** ảo giác. (Nguyễn Ngọc Tư, *Cánh đồng bất tận*).

Ba ví dụ trên mặc dù có chứa hư từ “bị” nhưng không được xem là cấu trúc bị động vì không có Tác thể và Bị thể của hành động. Lưu ý, bài viết sẽ chỉ phân tích những câu có chứa hư từ “bị” mang ý nghĩa bị động. Ta cùng tiếp tục quan sát hai ví dụ sau về cấu trúc bị động trong tiếng Việt:

(5) Một quả bóng đã bị đá (bởi một cậu bé).
A ball was kicked (by a boy).

(6) Có một quả bóng đã bị đá (bởi một cậu bé).
There a ball was kicked (by a boy).

Liệu phải chăng là sự trùng hợp khi trong tiếng Anh ta cũng có một cặp tương tự hai câu trên:

(2) A ball was kicked (by a boy).

Một quả bóng đã bị đá (bởi một cậu bé).

(4) There was kicked a ball (by a boy).

Có đá bị đá một quả bóng (bởi một cậu bé)

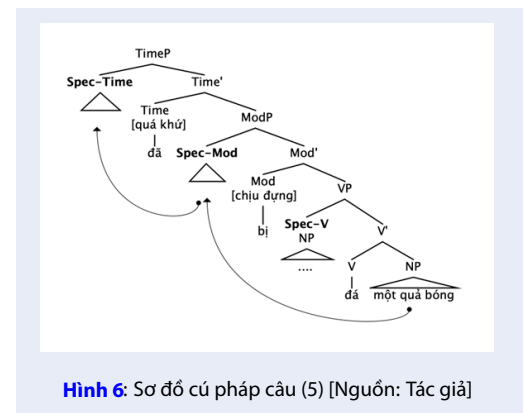
Hai cặp ví dụ trên dù khác nhau về cấu trúc bề mặt nhưng cấu trúc ngữ nghĩa sâu của chúng là hoàn toàn giống nhau, đó là: “Một cậu bé đã đá một quả bóng”. Câu hỏi đặt ra ở đây là ta có thể áp dụng những quy tắc của Ngữ pháp tạo sinh cho cấu trúc bị động trong tiếng Việt?

Ta có thể quan sát những tương đồng trong cú pháp tiếng Anh và tiếng Việt, cả hai đều có trật tự từ SVO (Chủ ngữ-Động từ-Tân ngữ). Thêm vào đó, nếu xét đến cấu trúc Tham tố, tiếng Việt cũng có những tương đồng với tiếng Anh. Nhìn vào ví dụ (5) và (6), ta có thể thấy chúng có cấu trúc Tham tố như sau: Vị từ là “đá” và hai Tham tố (Tác thể là “một cậu bé” và Bị thể là “một quả bóng”). Mặt khác, trong tiếng Việt cũng có hư từ thể hiện ý nghĩa tương đương với Thi (tense) trong tiếng Anh như “đã”, “đang” và “sẽ”. Tuy nhiên, ta không thể nói tiếng Việt có Thi vì không hề có sự biến đổi hình thái trên động từ. Chính vì vậy, bài viết đề xuất khi phân tích cấu trúc tiếng Việt, thay vì dùng TP giống tiếng Anh, bài viết sẽ sử dụng **TimeP (Cụm thể hiện Thời)**, cụm này được hiểu là nhận thức về thời gian, không phải ý nghĩa ngữ pháp giống như trong tiếng Anh. Và trong tiếng Việt, TimeP có thể để trống nếu như thời gian đã được ngầm hiểu từ ngữ cảnh. Ví dụ trong câu “Quả bóng bị đá đi rồi”, sự xuất hiện của

hư từ “**đã**” là không cần thiết khi trong câu đã có hư từ “**rồi**”. Thêm vào đó, tại Spec-Time (Phần chỉ định của Thời) chính là vị trí Chủ ngữ của câu như trên phân tích cú pháp trong tiếng Anh.

Như đã đề cập ở trên, “bị” thể hiện sự đánh giá của người nói với sự việc được nói đến, cụ thể là thể hiện một ý nghĩa tình thái (modality) tiêu cực là ‘chịu đựng’ (suffering) ^{8,9}. Bài viết đề xuất sử dụng **ModP (Cụm thể hiện Tình thái)** trong phân tích cú pháp tiếng Việt. Và “bị” sẽ ở vị trí Chính tố (Head) của ModP vì nó thể hiện ý nghĩa tình thái. ModP cũng có cấu trúc ba cấp độ: cấp độ tối đa ModP, cấp độ trung gian Mod’ và cấp độ tận cùng Mod. Phần chỉ định của Tình thái Spec-Mod sẽ nằm ngang hàng với cấp độ trung gian Mod’, đây cũng là vị trí có thể chứa Tham tố hoặc Tham tố có thể di chuyển qua.

Bài viết đề xuất một cách phân tích câu (5) từ góc nhìn Ngữ pháp tạo sinh như sau:

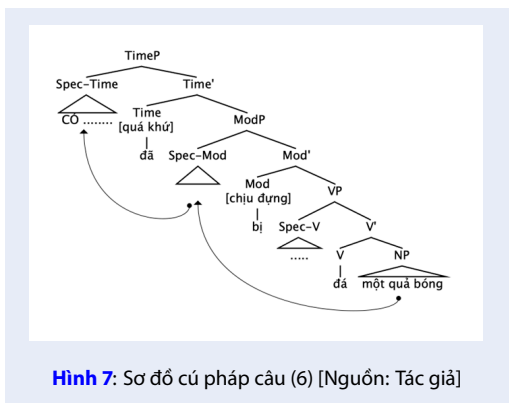


Hình 6: Sơ đồ cú pháp câu (5) [Nguồn: Tác giả]

Trong tiếng Việt, Tác thể “một cậu bé” và Bị thể “một quả bóng” đều được sinh ra trong cụm động từ VP. Tuy nhiên, đối với cấu trúc bị động được thể hiện trong Hình 6, do sự vắng mặt của Tác thể “một cậu bé” ở vị trí Spec-V nên buộc ta phải dịch chuyển vị trí của Bị thể “một quả bóng” lên vị trí Spec-Time để thỏa mãn điều kiện EPP (tức câu cần một chủ ngữ ngữ pháp). Tuy nhiên, “một quả bóng” không thể di chuyển từ Spec-V lên Spec-Time vì Ngữ pháp tạo sinh yêu cầu sự di chuyển qua từng bước một, tức là “một quả bóng” di chuyển từ bên trong VP lên Spec-Mod, sau đó mới di chuyển lên Spec-Time. Việc dừng lại ở Spec-Mod có một ý nghĩa quan trọng, cụm danh từ “một quả bóng” sẽ nhận một ý nghĩa tình thái về sự “chịu đựng”. Kết quả của hai quá trình cải biến này là ta có cấu trúc “Một quả bóng đã bị đá”.

Thông qua hình 7, ta tiếp tục phân tích câu (6): “Có một quả bóng đã bị đá”, từ “có” trong cấu trúc này vốn không mang nhiều thông tin về ngữ nghĩa tức nó đã bị hư từ hóa để thể hiện cấu trúc chỉ sự tồn tại trong tiếng Việt. Bài viết đề xuất xem “có” trong tiếng Việt là

một từ tương đương với chủ ngữ giả (dummy subject) “there” trong tiếng Anh. Nhưng ta sẽ gặp phải một vấn đề trong phân tích là vì sao đã có hư từ “có” ở vị trí Spec-Time (đã thỏa mãn EPP) nhưng Bị thể “một quả bóng” vẫn di chuyển lên Spec-T giống như ví dụ (5). Tuy nhiên, còn một cách giải thích khác là Bị thể “một quả bóng” trong tiếng Việt vốn đã di chuyển lên Spec-Time nhưng tiếng Việt cho phép chèn thêm hư từ “có” trong cấu trúc này. Đồng thời, tại vị trí Mod ta cũng có hư từ “bị” để thể hiện ý nghĩa “chịu đựng”. Như vậy, ví dụ (6) là kết quả của ba phép cải biến: Bị thể “một quả bóng” bị dịch chuyển lên Spec-Mod để nhận ý nghĩa “chịu đựng”, sau đó lên Spec-Time (vị trí của chủ ngữ) đồng thời chèn thêm hư từ “có” tại Spec-Time để thể hiện cấu trúc chỉ sự tồn tại.

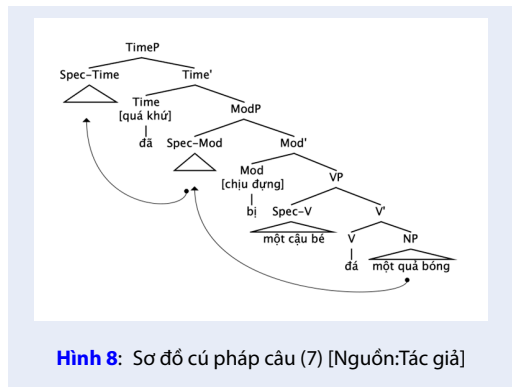


Hình 7: Sơ đồ cú pháp câu (6) [Nguồn: Tác giả]

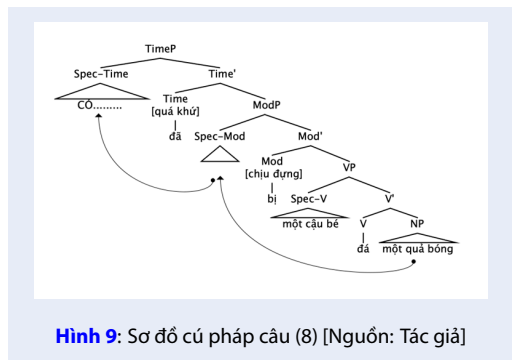
Những phân tích trên cũng có thể áp dụng để giải thích hai cấu trúc bị động khác trong tiếng Việt:
 (7) Một quả bóng đã bị một cậu bé đá.
 A ball was a boy kicked.
 (8) Có một quả bóng đã bị một cậu bé đá.
 There a ball was a boy kicked.
 Câu (7) sẽ được minh họa như sau trong Hình 8:
 Quá trình tạo lập câu (7) gần giống với quá trình tạo lập câu (5) đã được trình bày ở trên chỉ có một sự khác biệt là trong câu (7) Tác thể “một cậu bé” đã xuất hiện trong cấu trúc thay vì ẩn đi như ở câu (5).
 Còn câu (8) sẽ được minh họa bằng Hình 9 sau:
 Quá trình tạo lập câu (8) gần giống với quá trình tạo lập câu (6) đã được trình bày ở trên chỉ có một sự khác biệt là trong câu (8) Tác thể “một cậu bé” đã xuất hiện trong cấu trúc câu thay vì ẩn đi như ở câu (6).
 Tóm lại, bài viết nhận định rằng cấu trúc “bị” trong tiếng Việt có thể là sự cải biến từ cấu trúc ngữ nghĩa sâu: “Một cậu bé đã đá một quả bóng” rất giống như trong cú pháp tiếng Anh.

THẢO LUẬN

Từ những phân tích trên, ta có thể thấy được sự giống nhau và khác nhau trong cấu trúc bị động trong tiếng



Hình 8: Sơ đồ cú pháp câu (7) [Nguồn: Tác giả]



Hình 9: Sơ đồ cú pháp câu (8) [Nguồn: Tác giả]

Anh và tiếng Việt từ góc nhìn Ngữ pháp tạo sinh. Nói đến sự tương đồng, cả hai cấu trúc đều thể hiện nét nghĩa “bị tác động”, cụ thể đều có các vai nghĩa như Tác thể và Bị thể. Ngoài ra, cả hai đều cho phép biến đổi thành cấu trúc chỉ sự tồn tại.

Ví dụ:

Tiếng Anh: **There** was kicked a ball.
Có bị đá một quả bóng.

Tiếng Việt: **Có** một quả bóng đã bị đá.

Xét đến sự khác biệt giữa các ngôn ngữ, Chomsky đã đưa ra lý giải cho sự đa dạng cú pháp của các ngôn ngữ trên thế giới thông qua hệ thống các tham biến (parameters)³. Cụ thể, mỗi tham biến sẽ hoạt động theo cơ chế nhị phân (binary). Mặc dù đều dựa trên những nguyên tắc chung nhưng các quy tắc ngữ pháp có thể có những thiết lập tham biến khác nhau từ đó tạo ra sự đa dạng về mặt cú pháp.

Bài viết xin đề xuất ba tham biến sau để giải thích sự khác biệt trong cấu trúc bị động tiếng Việt và tiếng Anh:

+ Tham biến A: tham biến về sự chuyển dịch vị trí của “Bị thể”, cho phép hai khả năng:

A1: Bị thể bắt buộc phải chuyển dịch lên vị trí của Chủ ngữ.

A2: Bị thể không bắt buộc phải chuyển dịch lên vị trí của Chủ ngữ: có thể chuyển dịch lên vị trí Chủ ngữ hoặc có thể ở nguyên vị trí ban đầu tùy theo ngữ nghĩa muốn thể hiện.

Đối với Tham biến A, tiếng Việt lựa chọn khả năng A₁ còn tiếng Anh lựa chọn khả năng A₂. Cụ thể, trong tiếng Việt, Bị thể bắt buộc phải dịch chuyển lên vị trí Chủ ngữ và phải đi qua Spec-Mod để nhận nét nghĩa “chịu đựng”. Còn trong tiếng Anh, Bị thể không bắt buộc phải dịch chuyển lên vị trí Chủ ngữ.

+ Tham biến B: tham biến về việc chèn thêm hư từ khi cấu trúc câu đã có Chủ ngữ, cho phép hai khả năng:

B₁: Vẫn được chèn thêm hư từ khi đã có Chủ ngữ.

B₂: Không được chèn thêm hư từ khi đã có Chủ ngữ.

Xét đến Tham biến B, tiếng Việt lựa chọn khả năng B₁ còn tiếng Anh lựa chọn khả năng B₂. Trong tiếng Việt, ta vẫn có thể chèn thêm hư từ “có” dù đã có Chủ ngữ. Nhưng trong tiếng Anh, ta không được chèn thêm hư từ khi câu đã có Chủ ngữ. Như vậy, ta thấy rằng tiếng Việt linh hoạt hơn trong việc chèn thêm hư từ so với tiếng Anh.

+ Tham biến C: tham biến về sự có mặt của Tác thể tại vị trí Spec-V trong cấu trúc bị động khi Bị thể đã dịch chuyển lên vị trí của Chủ ngữ.

C₁: Tác thể có thể xuất hiện tại vị trí Spec-V.

C₂: Tác thể không được xuất hiện ở vị trí Spec-V.

Có thể quan sát được tiếng Anh lựa chọn khả năng C₂ tức Tác thể không thể xuất hiện ở vị trí Spec-V trong cấu trúc bị động khi Bị thể đã dịch chuyển lên vị trí của Chủ ngữ. Ta không thể nói trong tiếng Anh: “A ball was a boy kicked”. Riêng tiếng Việt lại lựa chọn khả năng C₁ tức Tác thể có thể xuất hiện tại vị trí Spec-V trong cấu trúc bị động khi Bị thể đã dịch chuyển lên vị trí của Chủ ngữ, nên trong tiếng Việt ta có thể nói: “Một quả bóng đã bị một cậu bé đá”.

KẾT LUẬN

Thông qua những phân tích về cấu trúc bị động trong tiếng Anh và tiếng Việt dựa trên khuôn khổ lý thuyết của Ngữ pháp tạo sinh, bài viết hy vọng có thể mang đến một điểm nhìn mới và tìm thấy những tương đồng từ sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ. Tuy nhiên, bài viết vẫn còn những hạn chế. Thứ nhất, bài viết chỉ khảo sát trên một vài câu ví dụ ở trong hai ngôn ngữ. Bài viết cần khảo sát trên ngữ liệu lớn hơn để khái quát hóa được quy luật. Thứ hai, quá trình cải biến là những quá trình vô hình, nằm ngoài nhận thức (consciousness) nên rất khó để khẳng định có những cải biến hay không. Cuối cùng, việc áp dụng khung lý thuyết của Ngữ pháp tạo sinh trong phân tích tiếng Việt vẫn còn mang tính “gượng ép” và chưa “ăn khớp”. Chính vì vậy, bài viết cần thêm nhiều khảo sát trong tương lai để tìm ra mô hình phân tích hoàn chỉnh hơn về cú pháp tiếng Việt theo đường hướng Ngữ pháp tạo sinh. Thay cho lời kết, tác giả tin rằng Ngữ pháp tạo sinh là một hướng nghiên cứu đầy tiềm năng, đặc biệt về Cú pháp học vì nó sẽ mở ra những khám phá về quá

trình nhận thức (cognitive processes) thuộc về ngôn ngữ mà con người chưa chạm tới được.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

EPP: Extended Projection Principle (Nguyên tắc chiếu xạ mở rộng).

A-movement: Argument movement (Chuyển dịch vị trí tham tố).

S-Structure: Surface Structure (Cấu trúc bề mặt).

D-Structure: Deep Structure (Cấu trúc sâu).

NP: Noun Phrase (Cụm danh từ)

VP: Verb Phrase (Cụm động từ).

TP: Tense Phrase (Cụm mang thì).

N: Noun (Danh từ).

V: Verb (Động từ).

T: Tense (Thì)

Spec-T: Specifier of Tense (Phần chỉ định của Thì).

TimeP: Time Phrase (Cụm thể hiện Thời).

Spec-Time: Specifier of Time (Phần chỉ định của Thời).

ModP: Modality Phrase (Cụm thể hiện Tình thái).

Spec-Mod: Specifier of Modality (Phần chỉ định của Tình thái).

Time: Time (Thời).

Mod: Modality (Tình thái).

SVO: Subject-Verb-Object (Chủ ngữ-Động từ-Tân ngữ).

TUYÊN BỐ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

TUYÊN BỐ ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Bài viết hoàn toàn được viết bởi và phản ánh quan điểm của chính tác giả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chomsky N. Lectures on Government and Binding. Dordrecht: Foris; 1981.
2. Giáp NT. Ngôn ngữ học tạo sinh của N. Chomsky: Mô hình ngôn ngữ thứ nhất. Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài. 2011;27(4):217–24.
3. Campos H, Thương BHT. English Syntax and Universal Grammar: An introduction to Syntactic Analysis. TP.HCM: NXB Đại học Quốc gia TP.HCM; 2017.
4. Hiệp NV. Cú pháp tiếng Việt. Hà Nội: NXB Giáo dục; 2009.
5. Đông LQ. Một số đặc thù của kết cấu vị từ chuỗi tiếng Việt. In: and others, editor. Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Ngôn ngữ học Việt Nam trong bối cảnh đổi mới và hội nhập. Hà Nội: Viện Ngôn ngữ học; 2014. p. 714–38.
6. Radford A. An Introduction to English Sentence Structure International Student Edition. Cambridge: Cambridge University Press; 2010.
7. Cổn NH, Diên BT. Dạng bị động và vấn đề câu bị động trong tiếng Việt. Tạp chí Ngôn ngữ 2004. 2004;7:1–12.
8. Bruening B, Thuan T. The nature of the passive, with an analysis of Vietnamese. *Lingua*. 2015;165:133–72. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.lingua.2015.07.008>
9. Hoa LM. “Bị” và câu bị động trong tiếng Việt. In: Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ 4; 2019. p. 708–18.

The Passive Construction in English and Vietnamese from the Perspective of Generative Grammar: a Comparative Study

Ta Le Minh Phuoc*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

This article aims to introduce Generative Grammar - an approach in syntactic analysis that was founded and developed by American linguist Noam Chomsky. Regarding the object of study, the article has chosen the passive construction to analyze because it is a common structure in natural languages. Specifically, the article will compare this passive construction in two languages: English and Vietnamese. In terms of theoretical framework, the article will proceed from an assumption in Generative Grammar that although each language has its distinctive features, the language acquisition mechanism, which Chomsky calls 'competence', must be similar across all languages and governed by universal rules. Besides, the article will also employ theories of Generative Grammar, including Argument movement (A-movement), Extended Projection Principle (EPP), and the system of parameters. The analyses reveal that the passive construction (S-structure) in Vietnamese can be explained as a transformation from the active construction (D-Structure), which is similar to that in English, while there are differences due to variations of parameter settings between the two languages. Those analyses will broaden the applicability of Generative Grammar for Vietnamese – a non-inflectional language.

Key words: competence, the passive construction, Generative Grammar, transformation, parameters

University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Correspondence

Ta Le Minh Phuoc, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: phuocla@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 19-03-2025
- Revised: 10-11-2025
- Accepted: 14-04-2026
- Published Online: x

DOI : x



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Phuoc T L M. The Passive Construction in English and Vietnamese from the Perspective of Generative Grammar: a Comparative Study. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2026; x(x):x-x.